

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 93/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-12-2020

Về việc “Tranh chấp chia tài sản chung
sau ly hôn và đòi lại tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm.

Ông Nguyễn Thanh Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2020 và ngày 22 tháng 10 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 143/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn và đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2020; Thông báo dời thời gian xét xử số: 24/TB-TA ngày 30 tháng 10 năm 2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 và Thông báo số về việc ấn định thời gian xét xử: 22/TB-TA ngày 14 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1987.

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã T, huyện N, tỉnh C.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1943 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã T, huyện N, tỉnh C.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1982 (có đơn đề nghị vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã T, huyện N, tỉnh C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Danh R (có đơn đề nghị vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1943 (có mặt).
 - Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1962 (có đơn đề nghị vắng mặt).
- Cùng địa chỉ cư trú: Ấp X, xã T, huyện N, tỉnh C.
- Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1959 (có đơn đề nghị vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện N, tỉnh C.

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 02, đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 08/6/2020, chị Trần Thị N trình bày:* Chị và anh D đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 61/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiến nhưng không thỏa thuận được phân chia tài sản chung, nợ chung. Nay yêu cầu Tòa án phân chia tài sản gồm:

Về tài sản chung gồm:

- Phần đất nuôi trồng thủy sản mua vào năm 2010 của ông Trần Văn T có diện tích 11.018m² tọa lạc ấp X, xã T, huyện N, tỉnh C, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng do Ủy ban nhân dân huyện N cấp.

- Phần đất nuôi trồng thủy sản mua vào năm 2008 của ông Trần Văn O; địa chỉ ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh C có diện tích 9.900m², đất hiện chưa làm thủ tục chuyển tên còn do ông O đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện N, tỉnh C.

- Dàn máy D22 hùn cùng với anh Nguyễn Văn T; địa chỉ: ấp X, xã T, huyện N, tỉnh C và anh Nguyễn Văn K1, địa chỉ: ấp C, xã T, huyện N, tỉnh C mua năm 2019 giá mua 18.000.000 đồng giá còn lại 6.000.000 đồng.

- Máy Honda 13RX mua năm 2015 giá mua 10.000.000 đồng, giá còn lại 4.000.000 đồng.

- Võ composite dài 6.3m hiệu Hữu Vui mua năm 2009 giá còn lại 1.500.000 đồng.

- Máy Honda 6.5 HP mua mới năm 2018 giá mua 5.100.000 đồng giá còn lại 1.500.000 đồng.

- Tủ lạnh hiệu Sanzo mua năm 2015 giá mua 5.200.000 đồng, giá còn lại 2.000.000 đồng.

- Dàn karaoke mua năm 2019 giá mua 15.000.000 đồng, giá trị hiện nay 7.000.000 đồng.

- Tivi hiệu LG 32 In mua năm 2019 giá còn lại 2.000.000 đồng.

Hai phần đất và các tài sản do anh D quản lý, máy D22 do anh Tổng quản lý. Yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ diện tích hai phần đất, đồng ý nhận các tài sản máy Honda 13CV, tủ lạnh, võ composite các tài sản còn lại không đồng ý nhận.

Ngoài ra, tài sản riêng chị có trước khi chung sống với anh D là sợi dây chuyền 03 chỉ vàng 18K, bộ vòng 04 chỉ vàng 18K do cha mẹ cho trước khi chung sống, anh D đã bán nay yêu cầu anh D trả lại.

Nợ chung:

- Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện N 60.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

- Nợ bà Nguyễn Thị K 01 chỉ vàng 24K và 5.000.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị S 05 chỉ vàng 24K.

- Nợ hội bà Huỳnh Thị D tiền hội chết là 3.000.000 đồng anh D có trách nhiệm đóng hội đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án vì anh D đang quản lý ruộng nên có trách nhiệm đóng hội.

Đối với 02 chân hội sống của ông Danh R nay chị không yêu cầu, chị và anh D tự thỏa thuận.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, chị Trần Thị N có đơn rút lại một phần yêu cầu chia tài sản chung gồm: Phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 11.018m², phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 9.900m², máy Honda 13RX, võ composite dài 6.3m hiệu Hữu Vui, máy Honda 6.5 HP, Tủ lạnh hiệu Sanzo, dàn karaoke, tivi hiệu LG 32 In.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của chị N, bà Nguyễn Thị K trình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu của chị N, yêu cầu chia tài sản chung là máy D22 trị giá 6.000.000 đồng và yêu cầu anh D trả lại cho chị N 07 chỉ vàng 18K.

** Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn D trình bày:* Quá trình chung sống vợ chồng có nhận chuyển nhượng của người khác hai phần đất.

- Phần đất nuôi trồng thủy sản mua vào năm 2010 của ông Trần Văn T có diện tích 11.018m² tọa lạc ấp X, xã T, huyện N, tỉnh C, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng do Ủy ban nhân dân huyện N cấp.

- Phần đất nuôi trồng thủy sản mua vào năm 2008 của ông Trần Văn O; địa chỉ ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh C có diện tích 9.900m², đất hiện chưa làm thủ tục chuyển tên còn do ông O đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện N, tỉnh C.

Hai phần đất có giá trị 500.000.000 đồng.

- Dàn máy D22 do chị N trình bày là không có.

- Máy Honda 13RX mua năm 2015 giá mua 10.000.000 đồng, giá còn lại 4.000.000 đồng.

- Võ composite dài 6.3m hiệu Hữu Vui mua năm 2009 giá còn lại 1.500.000 đồng.

- Máy Honda 6.5 HP mua mới năm 2018 giá mua 5.100.000 đồng giá còn lại 1.500.000 đồng.

- Tủ lạnh hiệu Sanzo mua năm 2015 giá mua 5.200.000 đồng, giá còn lại 2.000.000 đồng.

- Đàn karaoke mua năm 2019 giá mua 15.000.000 đồng, giá trị hiện nay 7.000.000 đồng.

- Tivi hiệu LG 32 in mua năm 2019 giá còn lại 2.000.000 đồng.

Các tài sản hiện nay anh không quản lý. Yêu cầu nhận $\frac{1}{2}$ giá trị hai phần đất. Đồng ý nhận các tài sản như: Máy Honda 6.5HP, đàn karaoke, Tivi hiệu LG, anh đồng ý trả cho chị 1.500.000 đồng phần giá trị tài sản chênh lệch.

Đối với tài sản riêng là: Chị N xác định trước khi chung sống chị N có sợi dây chuyền 03 chỉ vàng 18K, bộ vòng 04 chỉ vàng 18K nay yêu cầu trả. Anh D xác định không có và không đồng ý trả.

Nợ chung:

- Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện N 60.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

- Nợ bà Nguyễn Thị K 01 chỉ vàng 24K và 5.000.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị S 05 chỉ vàng 24K.

- Nợ hội bà Huỳnh Thị D là 3.000.000 đồng chị N yêu cầu anh có nghĩa vụ trả cho bà K, anh không đồng ý do vuông sổ không đủ đóng hội.

Đối với 02 chân hội sống của ông Danh R nay anh không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, anh Nguyễn Văn D có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản với chị Trần Thị N.

** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Nguyễn Thị K trình bày:* Trước đây chị N và anh D có vay của bà nhiều lần nay còn nợ 01 chỉ vàng 24K và 5.000.000 đồng nhưng bà không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị S trình bày:* Trước đây chị N và anh D có vay 05 chỉ vàng 24K nhưng bà không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thị D trình bày:* Vào ngày 30/3/2019 âm lịch bà mở dây hội 300.000 đồng, gồm 49 chân, tháng khui hai lần, chị N anh D tham gia 02 chân đã hốt, tính đến ngày 15/4/2020 al còn nợ 5 kỳ x

300.000 đồng x 02 chân = 3.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu chị N và anh D trả số tiền hụi còn nợ là 3.000.000 đồng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trình bày:* Ngày 03/10/2019, anh Nguyễn Văn D có vay Ngân hàng N số tiền 60.000.000 đồng. Vay thế chấp quyền sử dụng đất số BD 520954, thửa số 30, tờ bản đồ số 51, diện tích 11.018m² tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện N, tỉnh C. Hiện nay khoản vay của anh D chưa đến hạn thanh toán nên Ngân hàng không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về tư cách tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị thay đổi tư cách của bà Thung là bị đơn.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 33, Điều 43, Điều 46 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự:

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu chia tài sản chung của chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn D đối với các tài sản: Phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 11.018m², phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 9.900m², máy Honda 13RX, võ composite dài 6.3m hiệu Hữu Vui, máy Honda 6.5 HP, tủ lạnh hiệu Sanzo, dàn karaoke, tivi hiệu LG 32 In.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị Duyên về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị N thanh toán số tiền hụi còn nợ là 3.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị N khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và đòi lại tài sản đối với anh Nguyễn Văn D, địa chỉ cư trú: Ấp X, xã T, huyện N, tỉnh C. Xét đây là tranh chấp về yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn và đòi lại tài sản nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Anh Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị S, bà Huỳnh Thị D, ông Danh R, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung: Chị Trần Thị N xác định trong thời kỳ hôn nhân chị N và anh D đã tạo lập được các tài sản chung như: 01 phần đất nuôi trồng thủy sản mua vào năm 2010 có diện tích 11.018m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, 01 phần đất nuôi trồng thủy sản mua vào năm 2008 có diện tích là 9.900m² cùng tọa lạc tại ấp X xã T, huyện N, tỉnh C, dàn máy D22, máy Honda 13RX mua năm 2015 giá mua 10.000.000 đồng, giá còn lại 4.000.000 đồng, võ composite dài 6.3m hiệu Hữu Vui mua năm 2009 giá còn lại 1.500.000 đồng, máy Honda 6.5 HP mua mới năm 2018 giá mua 5.100.000 đồng giá còn lại 1.500.000 đồng, tủ lạnh hiệu Sanzo mua năm 2015 giá mua 5.200.000 đồng, giá còn lại 2.000.000 đồng, dàn karaoke mua năm 2019 giá mua 15.000.000 đồng, giá trị hiện nay 7.000.000 đồng, tivi hiệu LG 32 in mua năm 2019 giá còn lại 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, giữa chị N và anh D đã thỏa thuận được việc chia đổi với các tài sản như: Phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 11.018m², phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 9.900m², máy Honda 13RX, võ composite dài 6.3m hiệu Hữu Vui, máy Honda 6.5 HP, tủ lạnh hiệu Sanzo, dàn karaoke, tivi hiệu LG 32 In. Chị N, anh D đã có đơn rút lại đối với yêu cầu chia các tài sản trên.

Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu chia tài sản chung của chị Trần Thị N đối với các tài sản như: Phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 11.018m², phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 9.900m², máy Honda 13RX, võ composite dài 6.3m hiệu Hữu Vui, máy Honda 6.5 HP, Tủ lạnh hiệu Sanzo, dàn karaoke, tivi hiệu LG 32 In.

Riêng máy D22: Chị N xác định máy D22 là chị N và anh D hùn số tiền 6.000.000 đồng với anh Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn K1 để mua, nay chị N yêu cầu nhận 3.000.000 đồng. Anh D xác định không có hùn tiền để mua máy D22 với anh Tổng và anh Khánh nên không đồng ý theo yêu cầu của chị N. Ngoài ra, tại biên bản ghi lời khai ngày 16/7/2020, anh Nguyễn Văn T xác định máy D22 là của anh Tổng mua trực tiếp của ông Nguyễn Văn M, anh D và chị N không có hùn tiền như chị N trình bày; Tại biên bản xác minh ngày 24/8/2020, ông Nguyễn Văn M trình bày vào ngày 05/5/2019 thì ông M có bán cho anh Nguyễn Văn T 01 máy D22 và 01 phà sên vuông trị giá là 15.000.000 đồng; Tại biên bản xác minh ngày 10/9/2020, anh Nguyễn Văn K1 trình bày việc mua máy D22 là do anh Nguyễn Văn T trực tiếp mua, anh K1 không có hùn tiền cùng với anh D để mua máy, việc anh Tổng mua máy D22 của ai và giá bao nhiêu thì anh K1 không biết. Mặt khác, ngoài lời trình bày thì chị N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh chị và anh D có hùn số tiền 6.000.000 đồng cùng với anh T và anh K1 mua máy D22 của ông M. Do đó, yêu cầu chia tài sản chung là máy D22 của chị N là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu đòi lại tài sản của chị Trần Thị N: Chị N xác định trước khi về chung sống với anh Nguyễn Văn D, cha mẹ ruột có cho 01 sợi dây chuyền 03 chỉ vàng 18K, 01 bộ vòng 04 chỉ vàng 18K. Sau khi về chung sống với anh D, anh

D đã mượn số tài sản riêng của chị N và bán tiêu xài hết nên chị N yêu cầu anh D trả lại số tài sản riêng. Anh D xác định trong thời gian sống với nhau chị N không có sợi dây chuyền 03 chỉ vàng 18K và bộ vòng 04 chỉ vàng 18K và anh D cũng không có mượn của chị N nên không đồng ý trả. Tại các biên bản xác minh ngày 25/8/2020, chị Thái Ngọc A trình bày trước đây chị có thấy chị N có đeo 01 sợi dây chuyền loại dây ép bông trọng lượng khoảng 04 chỉ vàng 18K và 01 tấm lắc trọng lượng khoảng 03 chỉ vàng 18K, còn việc chị N sử dụng như thế nào thì chị A không biết và ông Trần Văn T trình bày khi chị N còn sống cùng với bà K thì có thấy chị N đeo 01 sợi dây chuyền và 01 đôi bông tai vàng 18K nhưng trọng lượng cụ thể thì không biết, còn việc khi chị N về chung sống với anh D thì bà K có cho chị N số vàng 07 chỉ vàng 18K không thì không rõ. Tại biên bản xác minh ngày 09/9/2020, bà Trần Thị N1 trình bày trước đây khi còn sống với bà K thì có thấy chị N đeo 01 đôi bông tai, 01 sợi dây chuyền, 01 cặp vàng đều là vàng 18K nhưng trọng lượng bao nhiêu bà N1 không biết, sau khi về chung sống với anh D, chị N có cho anh D mượn hay không thì bà N1 không biết vì chị N ở huyện Ngọc Hiển còn bà ở huyện Phú Tân. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị K có cung cấp cho Tòa án 02 đoạn ghi âm thể hiện cuộc nói chuyện giữa chị N và anh D. Anh D thừa nhận giọng nói trong 02 đoạn ghi âm là của anh D. Tuy nhiên, trong 02 đoạn ghi âm không thể hiện việc anh D có mượn 07 chỉ vàng 18K của chị N như chị N trình bày. Do đó, yêu cầu đòi lại 07 chỉ vàng 18K của chị N là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3] Đối với nợ chung: Chị N và anh D xác định trong thời kỳ hôn nhân có nợ các khoản như: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện N 60.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, nợ bà Nguyễn Thị K 01 chỉ vàng 24K và 5.000.000 đồng, nợ bà Nguyễn Thị S 05 chỉ vàng 24K. Tuy nhiên, phía Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, bà K, bà S không yêu cầu chị N và anh D thanh toán nên không đặt ra xem xét.

Đối với khoản nợ tiền hui của bà Huỳnh Thị D là 3.000.000 đồng. Ngày 13/7/2020, bà D có đơn yêu cầu chị N và anh D có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hui 3.000.000 đồng nhưng đến ngày 20/8/2020, bà D có đơn xin rút lại yêu cầu. Do đó, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị D.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Trần Thị N phải chịu là 07 chỉ vàng 18K x 3.540.000 đồng (vàng tại thời điểm xét xử là 3.540.000 đồng) + 3.000.000 đồng) x 5% = 1.389.000 đồng. Ngày 08 tháng 6 năm 2020, chị N đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 8.675.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006213 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được đối trừ, chị N được nhận lại 7.286.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Huỳnh Thị D không phải chịu. Ngày 13/7/2020, bà D đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006269 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, bà D được nhận lại.

[5] Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 217, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình và điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ một phần yêu cầu chia tài sản chung của chị Trần Thị N đối với các tài sản: Phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 11.018m², phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 9.900m², máy Honda 13RX, võ composite dài 6.3m hiệu Hữu Vui, máy Honda 6.5 HP, tủ lạnh hiệu Sanzo, dàn karaoke, tivi hiệu LG 32 In.

Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung là máy D22 và yêu cầu đòi lại tài sản 07 chỉ vàng 18K của chị Trần Thị N đối với anh Nguyễn Văn D.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị D về việc yêu cầu chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn D trả tiền hụi số tiền 3.000.000 đồng.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Trần Thị N phải chịu 1.389.000 đồng. Ngày 08 tháng 6 năm 2020, chị N đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 8.675.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006302 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được đối trừ, chị N được nhận lại 7.286.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Huỳnh Thị D không phải chịu. Ngày 13/7/2020, bà D đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006269 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, bà D được nhận lại.

Bản án sơ thẩm đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Nghi